

## HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC LÂM SẢN NGOÀI GỖ CỦA NGƯỜI GIÁY Ở XÃ BẢN QUA, HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

**ThS. Đoàn Việt**  
**Viện Dân tộc học**  
**Email: viet\_dth@gmail.com**

**Tóm tắt:** Lâm sản ngoài gỗ bao gồm những sản phẩm có nguồn gốc sinh học không phải gỗ, được khai thác từ rừng là chủ yếu để sử dụng phục vụ thương mại, công nghiệp và sinh kế của người dân. Các sản phẩm khai thác này có thể thu hái từ tự nhiên, cũng có thể được người dân nuôi trồng và khai thác. Trên cơ sở tư liệu thực địa và phân tích tài liệu thứ cấp, nghiên cứu này mong muốn làm rõ bức tranh hoạt động khai thác các nguồn lợi từ lâm sản ngoài gỗ có sẵn trong tự nhiên và từ rừng trồng của người Giáy ở xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Bên cạnh đó, bài viết phân tích vai trò của lâm sản ngoài gỗ trong đời sống tộc người được nghiên cứu và nêu lên một số vấn đề đặt ra trong quá trình khai thác lâm sản ngoài gỗ hiện nay.

**Từ khóa:** Dân tộc Giáy, Lào Cai, khai thác lâm sản ngoài gỗ, rừng.

**Abstract:** Non-timber forest products include non-timber biological products, which are harvested mainly from forests for commerce, industry and people's livelihoods. These products can be collected from the wild or they can also be cultivated and exploited by the people. On the basis of field data and analysis of secondary documents, this study aims to clarify the picture of the exploitation of non-timber forest products available in natural and artificial forests of the Giay ethnicity in Ban Qua commune, Bat Xat district, Lao Cai province. In addition, this article analyses the role of non-timber forest products in the life of the studied ethnic group and raises some issues about the process of non-timber forest product exploitation.

**Keywords:** Giay ethnicity, Lao Cai province, non-timber forest products, forest.

Ngày nhận bài: 1/11/2021; ngày gửi phản biện: 17/11/2021; ngày duyệt đăng: 28/11/2021.

### Mở đầu

Lâm sản ngoài gỗ là một nguồn tài nguyên có giá trị, đóng góp vào việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, nếu được chú trọng sẽ góp phần tăng thu nhập cho cộng đồng nông thôn vùng gần rừng, thúc đẩy việc quản lý rừng bền vững. Với những ý nghĩa đó, vấn đề nghiên cứu hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ đã dành được sự

quan tâm của nhiều nhà khoa học tự nhiên và xã hội. Đối với lĩnh vực Dân tộc học/Nhân học, các nhà nghiên cứu cũng đề cập đến vấn đề này từ nhiều khía cạnh như: hoạt động khai thác các sản vật từ rừng, sinh kế tộc người, vai trò của lâm sản ngoài gỗ trong đời sống các tộc người (Khổng Diễn, 1996; Sần Tráng, 2003; Phạm Quang Hoan, 2012,...); vấn đề khai thác nguồn lợi từ rừng trong bối cảnh hiện đại ngày nay (Bùi Thị Bích Lan, 2013; Trần Hồng Hạnh, 2018; Trần Thị Mai Lan, 2013,...) Lâm sản ngoài gỗ không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế mà còn đem lại giá trị to lớn về kho tàng tri thức địa phương trong khai thác, sử dụng tài nguyên bởi mỗi cộng đồng tộc người tại địa phương chính là những “chuyên gia về một số sản phẩm rừng ngoài gỗ, những sản phẩm đặc biệt của vùng sinh thái mà họ đang sống” (William D. Sunderlin, Huỳnh Thu Ba, 2005).

### **1. Đôi nét về tộc người và địa bàn nghiên cứu**

Dân tộc Giáy ở Lào Cai có 33.119 người, chiếm 48,8% tổng số người Giáy ở nước ta (Tổng cục Thống kê, 2020); cư trú chủ yếu ở các huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Sa Pa, Mường Khương và thành phố Lào Cai. Người Giáy thường làm ruộng nước, sinh sống dọc theo các bờ sông suối. Bên cạnh đó, hoạt động chăn nuôi và khai thác các sản phẩm từ rừng cũng là một thế mạnh. Tại xã Bản Qua, huyện Bát Xát, người Giáy cũng chiếm số lượng đông nhất với 1.849 người, tương đương 42,3% dân số toàn xã (UBND xã Bản Qua, 2021). Người Giáy được biết đến là cộng đồng có nền kinh tế nông nghiệp lấy trồng lúa làm trọng (Sần Tráng, 2003). Tuy nhiên, không phải vì vậy mà hoạt động khai thác các nguồn lợi từ rừng không được người dân quan tâm.

Bản Qua là xã có đường biên giới giáp ranh với Trung Quốc. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 4.402,83 ha, trong đó đất lâm nghiệp là 3.071,06 ha. Độ che phủ rừng đến nay đạt 58,5% (UBND xã Bản Qua, 2021). Xã có 11 thôn bản, gồm: Coóc Cài, Hải Khê, Bản Vèn, Vi Phái, Ná Nàm, Tân Hồng, Bản Pho, Bản Qua, Tả Ngảo, Bản Vai, Tân Bảo. Có 02 trục đường tỉnh lộ chạy qua xã Bản Qua là đường 165 và 156b, giúp cho giao thông đến các thôn bản trong xã tương đối thuận tiện.

Là một xã thuần nông nghiệp, dân cư của Bản Qua chủ yếu sinh sống bằng các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi, sau này phát triển thêm việc lao động làm thuê xuyên biên giới ở Trung Quốc và buôn bán các sản phẩm nông sản tại địa phương, bao gồm cả các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ. Với đặc trưng là xã có diện tích đất lâm nghiệp lớn (chiếm 69,75% tổng diện tích đất tự nhiên), người dân Bản Qua tham gia các hoạt động trồng rừng, khai thác rừng và các nguồn lâm thổ sản trên đất rừng. Năm 2020, giá trị ngành lâm nghiệp của địa phương đạt 67.426.000.000 đồng. Tổng thu ngân sách của xã trong những năm gần đây đạt khoảng 215 tỉ đồng/năm, trong đó: nông nghiệp 22,3%; lâm nghiệp 38,1%; thủy sản 6,5%; tiểu thủ công nghiệp 8,8%, còn lại là các nguồn thu khác (UBND xã Bản Qua, 2021).

### **2. Khai thác lâm sản ngoài gỗ của người Giáy**

Lâm sản ngoài gỗ được xác định là các sản phẩm có nguồn gốc sinh học không phải là gỗ lấy từ rừng, từ đất có cây cối khác và cây ngoài rừng. Các sản phẩm này bao gồm: loài

cây có thể dùng làm thức ăn (lương thực làm thực phẩm, dầu ăn, gia vị, nấm, cỏ khô...); sản phẩm từ động vật có thể dùng làm thức ăn (động vật sống trên đất, các sản phẩm từ động vật, cá và các loài không xương sống); các sản phẩm từ động vật không ăn được (côn trùng, từ động vật hoang dã...); các sản phẩm từ thực vật không ăn được (song, mây, tre, nứa hay từ gỗ không phải gỗ như mùn, than..., các chất nhựa/hợp chất từ cây; các sản phẩm cho dược liệu hoặc nguyên liệu làm mỹ phẩm (FAO, 1999). Hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ của người Giáy ở Bản Qua chủ yếu là các sản phẩm thực vật; sản phẩm từ động vật trước đây cũng không nhiều và hiện nay rất hiếm; hoạt động nuôi, thả trong khu vực rừng thường không có mà người dân chủ yếu chăn nuôi ở các khu vực gần nhà hoặc trong chuồng trại kiên cố.

### **1.1. Khai thác lâm sản ngoài gỗ có sẵn trong tự nhiên**

Người Giáy quan niệm rừng là nguồn tài sản chung, mọi thành viên trong cộng đồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau trong các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi từ rừng. Đồng bào có nhiều cách phân loại rừng, song tựu chung được chia theo hai dạng chính gồm: theo chức năng của rừng như rừng già (*po che*), rừng non (*po di lâu*), rừng đầu nguồn (*po cháu tạ*), rừng cấm (*đoong xía*)...; theo các huyền tích, truyền thuyết dân gian như rừng gấu cào (*po ma nhạp*), rừng ba ba (*po lọ than*), rừng con gà (*po la pi cây*), rừng mặt trăng (*po ná tảng*), rừng vàng (*po đoo pó hển*), rừng bên dưới (*po cửa cái*);... Trong khi đó, việc phân định các ranh giới rừng của người Giáy thường dựa vào các điểm mốc tự nhiên như khe, suối, mỏm đá, đỉnh núi,... Mọi quy ước về ranh giới đều được thỏa thuận miệng; được truyền lại cho đời sau thông qua các câu chuyện, những lời dặn dò và thông qua các hoạt động sinh hoạt kinh tế thường nhật. Các loại rừng này được Nhà nước phân tách dựa trên bản đồ, ảnh vệ tinh, định vị vị trí các khoảnh, giúp đơn vị quản lý (cộng đồng, hộ gia đình...) nhận biết rõ ràng.

Tại xã Bản Qua, tổng diện tích rừng được khoanh nuôi bảo vệ là 2.216,1 ha. Đối với việc khai thác các sản phẩm ngoài gỗ của người dân nơi đây, Luật Lâm nghiệp (2017) quy định: người dân được khai thác măng, tre, nứa, nấm và các lâm sản ngoài gỗ khác khi rừng đã đạt yêu cầu phòng hộ và không làm ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ của rừng. Trước những quy định ấy, người Giáy ở Bản Qua đã có những phương thức khác nhau trong hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ tại địa phương mình. Trong truyền thống, khai thác các sản phẩm lâm sản có sẵn trong tự nhiên là đặc trưng tiêu biểu của khôi cư dân sống gắn bó với rừng nói chung và người Giáy nói riêng. Các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ người Giáy thường khai thác bao gồm những loại cây, động vật làm thực phẩm ăn uống hàng ngày và các loại dược liệu. Trong quá trình hình thành và phát triển, người Giáy đã tích lũy được vốn kinh nghiệm trong việc khai thác các sản phẩm tự nhiên một cách hiệu quả. Theo đó, nhóm sản phẩm này được chia thành hai loại là các loại thảo mộc trong rừng và các loại động vật rừng. Tùy vào mục đích của người sử dụng mà họ lựa chọn khai thác loại nào. Việc khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ này hiện nay không phải công việc thường xuyên mà theo mùa hoặc

vào những lúc nông nhàn. Trong hoạt động thu hái được phân chia theo giới. Phụ nữ thường tìm kiếm các sản phẩm ở khu vực đồi núi thấp, gần bản làng, dễ đi lại. Nam giới thường khai thác các sản phẩm ở những khu rừng xa và đi lại khó khăn hơn.

Qua nghiên cứu cho thấy, người Giáy ở xã Bản Qua thu hái khoảng gần 50 loại lâm sản ngoài gỗ có nguồn gốc thực vật để dùng làm lương thực, thực phẩm, phục vụ nhu cầu đời sống hàng ngày. Trong số này, chỉ có khoảng một số loại là có thể đi kiếm quanh năm, như cây móc (*máy cán tao*), rau dớn (*piệc cút*), hoa chuối rừng (*mạc ruồng*), cây ráy (*co phăng*). Còn lại, hầu hết các loại rau khác chỉ thu hái trong khoảng thời gian 2 đến 3 tháng mỗi năm. Chẳng hạn, tháng Một đến tháng Ba là mùa hái măng vầu (*ráng pấu*), tháng Hai đến tháng Tư là mùa hái măng trúc (*ráng rắt*), tháng Năm đến tháng Chín là mùa hái măng bương (*ráng đóc*),... Trong số này, măng vầu được người Giáy cho là loại măng ngon nhất và được tìm hái nhiều nhất. Các món ăn được chế biến từ măng thường là luộc hoặc xào, cũng có khi được dùng làm nấu canh. Măng sau khi thu hái mà không sử dụng hết người dân có thể mang luộc ngâm chua hoặc làm khô để dùng dần. Ngoài măng, một số loại rau rừng khác cũng chỉ có theo mùa: tháng Ba tìm rêu suôi (*Tau cay*), tháng Năm hái mồng toi rừng (*Piēc păng*); rau cần rừng (*Piēc ăn*) có thể đi kiếm từ các tháng 2, 3, 5, 7. Các loại rau này thường được sử dụng để nấu canh, xào, hấp hoặc luộc. Bên cạnh tìm kiếm rau măng, vào mùa xuân khi thời tiết ẩm, người Giáy thường kiếm một số loại cây gia vị để bổ sung cho bữa ăn hàng ngày như: nấm hương (*siêng sin*), mộc nhĩ (*mò rú*), nấm rừng (*rúc rap*). Ngoài ra, họ còn lấy quả chua chát (*mạc tằm*) hay quả sung (*mặc dứa*) để ăn kèm với các thức ăn khác; quả trám (*Mạc cúm đong*) giã ra và trộn với lạc rang ăn với cơm rất bùi và ngậy; quả sấu (*mạc chủ*) xào với thịt trâu hoặc nấu canh cá chua,...

Không chỉ giới hạn ở các sản vật có nguồn gốc thực vật, nguồn đạm từ các loài động vật trong rừng cũng góp phần quan trọng tạo nên phong vị dân gian độc đáo của người Giáy. Tùy theo từng mùa trong năm mà người Giáy thu nhặt nhiều sản vật khác nhau như cua đá, ốc núi, nhộng bướm, sâu tre, sâu chít, kiến, trứng kiến, ong và mật ong,... Việc kiếm mật ong thường bắt đầu vào mùa hè và đến khoảng tháng Mười khi thời tiết se lạnh thì không kiếm được mật ong rừng nữa. Người đi tìm ong rừng thường đi theo nhóm 2-3 người. Khi thấy tổ ong, sẽ hun khói đuổi ong và thu hoạch mật. Người Giáy ở Bản Qua cho biết, hiện nay trong xã còn rất ít người biết lấy mật ong bởi lấy mật phải cần sự khéo léo và cẩn trọng nếu không sẽ rất nguy hiểm. Tri thức về việc hái lượm cây dược liệu và sử dụng dược liệu chăm sóc sức khỏe cộng đồng là yếu tố tiêu biểu, nổi bật trong kho tàng tri thức văn hóa dân gian người Giáy. Rừng ở Bản Qua cung cấp cho họ khoảng hai mươi loại dược liệu, đa dạng về thể loại, có thể sử dụng cả rễ, thân, lá, củ, hoa, hạt... phong phú về cách thức sử dụng như sắc uống, sao khô, ngâm rượu, ủ muối chườm nóng, nấu nước tắm,... Có thể kể đến một số loại dược liệu tiêu biểu của người Giáy ở Bản Qua như: cây Long nha thảo (*má lin ngan*) dùng rễ sắc uống để chữa đau bụng; cây Xích đằng nam (*pánh pi đinh*) dùng rễ sắc uống chữa kiết lỵ; cây

phèn đen (*Ta pa đinh*) dùng thân và lá sắc uống chữa tiêu chảy; cỏ Hoàng liên chân gà (*Hoàng lèn*) dùng lá, thân, rễ sắc uống chữa nóng gan; cây Tam thất (*Xan xi*), cây Bạch chi nam (*Phù lin*) và Mã đề (*Co tá nhún*) dùng củ để tần với gà, nấu canh xương chữa suy nhược cơ thể; cây hoa nhung già nát, bỏ vào nước gạo nếp đã vo, dùng đắp vết thương hở, đứt chân tay; cây tre dùng lá giã với gừng, cho mật mía đun lên uống để chữa ho; lá náng hơ trên lửa, bóp rượu sau đó đắp vào chỗ sưng; cỏ xước (*vắt táo*), nhọ nôi (*co mặc*), đơn nem (*tục xán*) dùng thân, lá đem đun lấy nước tắm chữa mụn nhọt,... Ngoài ra, rừng còn cung cấp cho người Giáy những sản vật khác để phục vụ đời sống như củ nâu để nhuộm vải; lá *manh ti*, *co ví*... để nhuộm sợi màu; cánh kiến, nhựa thông... để bảo quản đồ gỗ; mây, tre nứa để chế tác các đồ dùng sinh hoạt gia đình;... Nhìn chung, tri thức về rừng và khai thác rừng của người Giáy vô cùng phong phú và đa dạng, đáp ứng được hầu hết các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống.

Sản phẩm khai thác từ tự nhiên của người Giáy cơ bản giải quyết các mục đích chính đó là sử dụng làm lương thực, thực phẩm; nguyên liệu bào chế một số bài thuốc dân gian chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Không chỉ có vậy, hoạt động này còn thể hiện một hệ thống tri thức địa phương về môi trường sống và các phương cách ứng phó với thiên nhiên của người dân. Điều đó cho thấy môi trường rừng vô cùng quan trọng đối với đời sống kinh tế và văn hóa của người Giáy ở xã Bản Qua. Chính vì vậy, cộng đồng người Giáy đã xây dựng nên một cơ chế văn hóa để đối xử với rừng, trong đó bao chứa những giới hạn của việc quản lý trong khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên lâm sản. Hình thức quản lý này hiệu quả khi rừng còn nhiều, đa dạng sinh học còn phong phú, việc khai thác sử dụng tại chỗ của cư dân địa phương hợp lý với sự hồi phục, tái tạo từ thiên nhiên,... Trong điều kiện ngày nay, khi diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, đa dạng sinh học ngày càng mai một, nghèo nàn thì cơ chế quản lý truyền thống cũng mất đi giá trị, không còn phù hợp thực tiễn xã hội mà cần những chế tài và luật pháp cụ thể để bảo vệ rừng một cách triệt để.

## **2.2. Khai thác lâm sản ngoài gỗ từ rừng trồng**

Nhận thức được những lợi thế về đất rừng của địa phương, chính quyền tỉnh Lào Cai luôn quan tâm khuyến khích người dân phát triển rừng trồng theo hướng bền vững. Để khai thác các sản phẩm ngoài gỗ từ rừng trồng thì việc trồng các cây dược liệu là bước đi đúng đắn. Các sản phẩm chữa bệnh, bồi bổ sức khỏe gia truyền, theo tri thức địa phương của đồng bào Giáy ngày càng mở rộng, đem lại nguồn thu nhập cho người dân. Đặc biệt, các loại cây quế, sa nhân tím, thảo quả những năm gần đây có bước phát triển vượt bậc. Tại xã Bản Qua, phong trào trồng cây thảo quả hình thành và phát triển từ khoảng những năm 1990 với diện tích trồng lớn nhất so với các loại dược liệu khác (214 ha). Quế và luồng được trồng từ năm 2020 với diện tích tương ứng là 16,6 ha (UBND xã Bản Qua, 2020). Ban đầu, thảo quả rừng chỉ được dùng để làm thuốc chữa bệnh. Sau đó, thương lái Trung Quốc tìm mua với số lượng nhiều nên người dân bắt đầu trồng thảo quả dưới tán rừng. Đến năm 2016, tổng diện

tích thảo quả trên địa bàn xã Bản Qua là 214 ha, năng suất bình quân đạt 2,5 tạ/ha. Giá bán thảo quả tại thời điểm năm 2016 là 200.000đ/kg. Con số này đem lại nguồn thu đáng kể cho người dân địa phương. Năm 2020, diện tích thảo quả chỉ giữ ở con số 214 ha do việc khai thác cây trồng này ảnh hưởng đến diện tích rừng của địa phương.

Bên cạnh cây thảo quả, sa nhân tím cũng được người dân địa phương trồng dưới tán rừng, sau một năm, cây phát triển sinh nhánh thì tia bớt tán cây to để sa nhân không bị “cóm nắng” mới có thể đậu quả. Cây sa nhân trồng sau 3-4 năm sẽ cho quả. Một năm, sa nhân cho thu hoạch 2 lần, lần một kéo dài trong hai tháng 7 - 8. Lần hai là vào tháng 11. Tuy nhiên, năng suất và chất lượng sa nhân cao nhất vào tháng 7 - 8. Hiện nay, giá sa nhân được người dân bán ra thị trường là 80.000 đồng/kg. Trước đây khoảng 10 - 15 năm, giá sa nhân bán trên thị trường có lúc lên tới 300.000 đồng/kg. Sa nhân mất giá là một trong những lý do khiến diện tích sa nhân ở đây không được mở rộng nhiều. Phòng vấn sâu bà P.T.M (52 tuổi) được biết *“Ngoài trồng rừng kinh tế thì gia đình tôi cũng trồng thêm các loại cây thuốc dưới tán rừng, như: thuốc chữa sỏi thận, sỏi mật, gan, dạ dày,... Từ tiền bán thuốc tôi lại thuê người trồng rừng, phát rừng, mọi nguồn lợi đều được tận dụng hết nên cuộc sống gia đình cũng khá hơn”*. Thực tế khai thác các sản phẩm ngoài gỗ từ việc trồng rừng của người Giáy ở Bản Qua cho thấy, nguồn lợi này có vai trò quan trọng trong việc gia tăng thu nhập cho hộ gia đình.

### 3. Vai trò của hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ

Đối với người Giáy ở xã Bản Qua, trong cơ cấu bữa ăn không thể thiếu rau rừng, ngay cả khi đã trồng và có rau ở vườn. Nguồn gia vị trong nấu nướng đồ ăn của người Giáy cũng chủ yếu được khai thác từ rừng, tạo nên hương vị đặc sản, đặc trưng tộc người. Họ cũng có nhiều kinh nghiệm trong việc thu hái, sơ chế và tích trữ nguồn rau rừng bằng nhiều cách như phơi khô, muối chua,... Không chỉ vậy, lâm sản ngoài gỗ còn đóng vai trò quan trọng trong các dịp sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Ở các dịp cúng tế quan trọng không thể thiếu rượu được nấu từ men lá; canh rau, khoai rừng, củ chuối rừng... để phục vụ lễ cúng thần linh và bữa ăn cộng đồng.

Các sản phẩm thu hái từ rừng có ý nghĩa đặc biệt trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe của người Giáy. Tri thức về dược liệu và thuốc chữa bệnh của đồng bào khá phong phú. Hầu hết mọi người đều am tường về một số loại cây thuốc, dược liệu dùng để chữa trị một số bệnh thường gặp như đau mỏi người, đau đầu, kiết lị, tiêu chảy, mẩn ngứa, ho,... Ngày thường, người Giáy ít uống nước lọc mà uống nước sắc từ một số loại cây rừng có tác dụng bồi bổ gân cốt, chống đau mỏi người, bồi bổ phủ tạng,... Trong mỗi làng bản người Giáy thường có một vài gia đình am hiểu về cây thuốc và dược liệu, hành nghề trị bệnh cứu người gọi là thầy lang. Thầy lang là người có tri thức, kinh nghiệm thu hái lâm sản ngoài gỗ, chế biến thành thuốc để sử dụng. Tùy theo từng loại bệnh, từng loại dược liệu mà thầy lang có cách thu hái, xử lý và sử dụng làm thuốc khác nhau.

Do đặc thù văn hóa, phương thức khai thác lâm sản ngoài gỗ theo cách tự nhiên đã trở thành tập quán của người Giáy. Các nguồn tri thức dân gian về thời tiết, mùa vụ và đặc trưng của các loại sản vật từ thiên nhiên được người Giáy đúc kết truyền dạy từ thế hệ này qua thế hệ khác. Tuy nhiên, trong bối cảnh tài nguyên tự nhiên từ rừng ngày càng khan hiếm, bước tiến trong phát triển trồng rừng để khai thác lâm sản ngoài gỗ làm sản phẩm bán trên thị trường đem lại nguồn thu đáng kể cho người dân. Như vậy, mục tiêu phát triển rừng trồng để thu hoạch lâm sản ngoài gỗ không chỉ hướng đến hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho ngành chế biến lâm sản, nâng cao giá trị cây lâm sản ngoài gỗ. Nguồn lâm sản từ rừng không chỉ giải quyết nhu cầu tại chỗ của người dân địa phương mà dần trở nên có giá trị kinh tế, trở thành những loại hàng hóa có giá trị, góp phần trực tiếp tạo nên những giá trị thặng dư của gia đình trong điều kiện xã hội hiện đại. Cùng với sự phát triển chung của đất nước và khu vực, mạng lưới giao thương kinh tế ở xã Bản Qua được mở rộng, địa bàn tỉnh Lào Cai phát triển nhiều loại hình du lịch, nguồn lâm sản thu hái từ rừng vùng người Giáy ở xã Bản Qua trở thành các mặt hàng có giá trị kinh tế cao. Sản vật từ rừng trở thành các món ăn đặc sản phục vụ khách du lịch như măng, rau rừng, nấm, hoa quả rừng, rượu men lá, rượu ủ hoa quả, rượu ngâm cây thuốc,... Không chỉ vậy, các loại sản vật thu hái từ rừng còn được thương lái đến tận nơi đặt hàng, thu mua. Nguồn lợi vật chất thu được ban đầu chỉ đóng vai trò phụ trợ dần trở thành nguồn thu chính, quan trọng thu hút nhiều lao động trong gia đình.

#### **4. Những vấn đề đặt ra trong quá trình khai thác lâm sản ngoài gỗ**

*Một là*, khi trở thành hàng hóa, một số sản phẩm ngoài gỗ từ rừng bị thu hái theo kiểu tận thu, không quan tâm đến sức tái tạo của nguồn sản vật, tài nguyên. Nghiêm trọng hơn là khi có các yếu tố phá hoại can thiệp vào quá trình thương mại hóa nguồn lâm sản mà ngay từ đầu chính quyền địa phương cũng như người dân chưa thể nhận ra. Chẳng hạn như việc nhiều thương nhân nước ngoài tới đặt mua một số loại sản vật như năm 2005 thu mua củ gừng gió, năm 2006 thu mua củ bình vôi, năm 2007 thu mua dây khúc khắc, năm 2008 thu mua rễ cỏ tranh... với hình thức mua số lượng lớn, thu mua cả tươi và khô, cả rễ và cành, giá cả ngày càng tăng cao,... Hậu quả của hoạt động tự phát này làm suy thoái rừng nhanh chóng, lớp đất mặt của nền rừng bị đào xới sâu, rộng và nhanh chóng bị xói mòn theo các dòng chảy vào mùa mưa, là nguyên nhân sâu xa dẫn tới các hiện tượng thiên tai trong những năm sau đó như lũ lụt, lở đất...

*Hai là*, suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên, suy thoái đa dạng sinh học rừng của khu vực. Bên cạnh việc thu hái nguồn lâm sản rừng để bán thì hoạt động xâm canh nền rừng để trồng một số loại lâm sản làm hàng hóa cũng là những hoạt động đe dọa hệ sinh thái rừng. Việc trồng cây sa nhân tím hay thảo quả trở nên phổ biến ở xã Bản Qua vào khoảng 20 năm trở lại đây đã làm triệt tiêu tính đa dạng sinh học rừng. “*Cây sa nhân và thảo quả được trồng*

dưới tán rừng, sau khoảng 1 năm người dân thường chặt bỏ một phần cây rừng trên đất trồng sa nhân hay thảo quả để cây để nhánh ra quả. Điều này gián tiếp làm suy giảm đa dạng sinh học của rừng. Không chỉ có vậy, vào mùa thu hoạch thảo quả, để tiết kiệm công sức vận chuyển, người dân thường dựng lán, làm lò sấy thảo quả ngay gần bìa rừng để gây nguy cơ cháy rừng” (PVS, nam, 45 tuổi, cán bộ xã Bản Qua).

Ba là, khó khăn trong việc bảo vệ rừng, nhất là khu vực rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Lý do là chính quyền địa phương phải đối diện với nạn xâm canh, canh tác trộm cây thảo quả, cây sa nhân hay trồng quế ở khu vực giáp ranh và vùng lõi rừng tự nhiên. Năm 2019, xã đã xử lý 18 trường hợp ở thôn Bản Pho, 8 trường hợp ở thôn Ná Nàm có hoạt động xâm canh đất rừng tự nhiên. Năm 2020, chính quyền địa phương đã cho nhổ bỏ 03 ha cây sa nhân và 1.600 cây quế trồng trái phép dưới tán rừng tự nhiên. Việc trồng cây sa nhân dưới tán rừng như đã phân tích ở trên sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến đa dạng sinh học của rừng.

Bốn là, nguy cơ mất đi truyền thống văn hóa tộc người. Việc suy thoái rừng, mất đi tính đa dạng sinh học của rừng vô hình chung gây nên hệ quả về sự mai một những hiểu biết về thiên nhiên, về địa bàn sinh sống của tộc người. Những tri thức mất đi không chỉ là nguồn kiến thức tích lũy trong quá trình đấu tranh sinh tồn mà còn bao gồm cả những dạng thức văn hóa phi vật thể liên quan đến tri thức địa phương như ca dao, tục ngữ, truyện kể về quá trình nhận biết, tìm kiếm, khai thác, sử dụng một loại sản vật rừng nào đó. Không chỉ vậy, tính tự quản hay cơ chế tự phòng vệ vốn đã rất đơn sơ, chỉ bằng những giao ước cộng đồng, quy định bất thành văn về việc gìn giữ, bảo tồn rừng, bảo tồn nguồn đa dạng sinh học cũng dễ dàng mất đi trước sự cám dỗ của đồng tiền. Những quy định bỗng trở nên mờ nhạt khi mà ai cũng có tâm lý rằng mình không khai thác hôm nay thì ngày mai người khác cũng khai thác làm lợi cho riêng họ. Các yếu tố thị trường còn tác động sâu sắc tới nếp văn hóa của người Giáy, làm cho cơ chế tự túc tự giác, ứng xử theo luật tục với nề nếp, giá trị đạo đức của cộng đồng bỗng trở nên mong manh trước sự tấn công của đồng tiền, khiến không ai có thể nói được ai, các giá trị truyền thống vì thế mà dần bị lãng quên.

### **Kết luận**

Người Giáy ở Lào Cai nói chung và ở xã Bản Qua, huyện Bát Xát nói riêng sống gắn bó với môi trường rừng. Bằng việc tìm hiểu hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ của người Giáy ở xã Bản Qua thông qua hoạt động khai thác tự nhiên và khai thác các sản phẩm nuôi trồng cho thấy rừng đối với họ vừa là cơ sở kinh tế, vừa là nền tảng đặc trưng văn hóa tộc người. Trong khai thác sản phẩm ngoài gỗ từ tự nhiên, người Giáy có một hệ thống các nguồn lợi dùng làm thực phẩm ăn uống hàng ngày và làm dược liệu. Điều này thể hiện sự am hiểu về rừng, am hiểu về môi trường sống của mình. Việc khai thác các sản phẩm nuôi trồng cũng đã bước đầu mang lại thu nhập cho hộ gia đình.

Trong điều kiện phát triển như hiện nay, hoạt động khai thác các lâm sản ngoài gỗ của người Giáy đã và đang đặt ra những vấn đề suy thoái tài nguyên và đa dạng sinh học, áp lực phải lựa chọn loại hình nuôi trồng cho phù hợp với nhu cầu của thị trường, khó khăn trong việc quản lý rừng và nguy cơ mai một truyền thống văn hóa tộc người. Vì vậy, địa phương cần có những chính sách hợp lý để vừa giữ được nguồn lợi từ rừng vừa bảo đảm được sự an toàn của môi trường. Đây là công việc khó khăn không chỉ đối với xã Bản Qua mà đối với tất cả các địa phương có rừng khác. Phải chăng, trước mắt cần nhận thức rõ việc kiểm soát sự an toàn của rừng không chỉ dựa trên vai trò của tộc người, của cộng đồng mà cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn của hệ thống pháp luật cũng như hoạt động chuyên môn của các cơ quan nghiên cứu. Việc lựa chọn định hướng giống cây trồng phù hợp trong hoạt động trồng rừng cũng cần có sự góp mặt của chính quyền địa phương để tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm khai thác từ rừng. Chỉ khi điều kiện kinh tế của người dân phát triển vững chắc, ý thức tự giác bảo vệ rừng cao lên và tri thức xã hội được cập nhật thì việc tác động làm ảnh hưởng tới rừng, tới môi trường tự nhiên mới đạt giới hạn an toàn.

### Tài liệu tham khảo

1. Sần Cháng (1998), “Gia đình người Giáy ở Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 17-22.
2. Sần Cháng (2003), *Một số phong tục tập quán Dân tộc Giáy Lào Cai*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
3. Khổng Diển (1996), *Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. FAO (1999), “*FAO forestry*” of *Non-wood Forest Products and Income Generation*, Unasylva - No. 198, trên trang <https://www.fao.org/3/x2450e/x2450e00.htm#Contents> (Truy cập ngày 12/11/2021).
6. Trần Hồng Hạnh (2018), *Chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Phạm Quang Hoan (Chủ biên, 2012), *Văn hóa các tộc người vùng lòng hồ và vùng tái định cư thủy điện Sơn La*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Bùi Bích Lan (2013), *Hoạt động mưu sinh của người Kháng ở xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La*, Luận án tiến sỹ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Trần Thị Mai Lan (Chủ nhiệm, 2013), *Người Giáy ở Lào Cai*, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài cấp Cơ sở, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

10. Trần Thị Mai Lan, Lê Thị Hường, Sa Thị Thanh Nga, Tạ Thị Tâm (2016), “Dân tộc Giáy”, trong Vương Xuân Tình chủ biên: *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 2 - Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Ka Đai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Quốc hội (2017), *Luật Lâm nghiệp*, số 16/2017QH14, ban hành ngày 15/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.

12. Tổng cục thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

13. UBND xã Bản Qua (2020), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021*.

14. UBND xã Bản Qua (2021), *Đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của UBND xã Bản Qua nhiệm kỳ 2016-2021*.15.

15. William D. Sunderlin và Huỳnh Thu Ba (2005), *Giảm nghèo và rừng ở Việt Nam*, CIFOR, Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế, Jakarta, Indonesia, trên trang [https://www.cifor.org/publications/pdf\\_files/books/BSunderlin0501V0.pdf](https://www.cifor.org/publications/pdf_files/books/BSunderlin0501V0.pdf) (Truy cập ngày 2/11/2021).



Một góc chợ của người Giáy ở xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Hoàng Phương Mai, chụp tháng 4 năm 2021